

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THỦY NGUYÊN
THÀNH PHỐ H PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 191/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 08 - 9 - 2022
Về việc Ly hôn và tranh chấp về con
chung khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỦY NGUYÊN, THÀNH PHỐ H PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Mến.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Bùi Đức Khoa

Ông Doãn Văn Sáng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đào Thị Hà -Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, thành phố H Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, thành phố H Phòng tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 9 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, thành phố H Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 173/2022/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 05 năm 2022 về việc “Ly hôn và con chung khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 142/2022/QĐXXST-HNGĐ, ngày 05 tháng 8 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 175/2022/QĐST-HGND, ngày 24 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Đỗ Văn H; Nơi cư trú: Thôn 01, xã T, huyện T, thành phố H Phòng; vắng mặt (Có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt).

- *Bị đơn:* Chị Phạm Thị H; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn 01, xã T, huyện T, thành phố H Phòng; Nơi ở hiện nay: Thôn 3, xã Thủy Sơn, huyện T, thành phố H Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là anh Đỗ Văn H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Phạm Thị H kết hôn với nhau trên cơ sở tìm hiểu tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, thành phố H Phòng vào năm 2010. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống cùng gia đình anh H tại thôn 01, xã T, huyện T, thành phố H Phòng. Quá trình chung sống thời gian đầu vợ chồng hòa thuận hạnh phúc đến đầu năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân

do tính tình vợ chồng không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống trong quá trình chung sống vợ chồng không có tiếng nói chung trong mọi vấn đề nhất là trong làm ăn phát triển kinh tế gia đình. Mâu thuẫn vợ chồng đã được gia đình hai bên khuyên giải nhiều lần nhưng không có kết quả, nay anh H xác định tình cảm vợ chồng không còn khả năng đoàn tụ với nhau được nữa anh đề nghị Tòa án xem xét giải quyết cho anh được ly hôn chị Phạm Thị H.

- Về con chung: Quá trình chung sống anh và chị H có 01 con chung tên Đỗ Thành D, sinh ngày 28/4/2010, kể từ khi vợ chồng sống ly thân đến nay con chung sống cùng chị H có sự giúp đỡ, chăm sóc đưa đón của ông, bà ngoại, chị H đã đón con và xin chuyển trường học cho con về học tại trường trung học sơ sở Thủy Sơn. Khi ly hôn vì điều kiện học tập của con và vì công việc anh H đồng ý để chị H tiếp tục nuôi con chung.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung để anh và chị H tự thỏa thuận giao nhận cho nhau không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Anh và chị H không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn chị Phạm Thị H đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về việc kiểm tra giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do và cũng không có văn bản gửi đến Tòa án ghi ý kiến trình bày quan điểm về việc anh H xin ly hôn và giải quyết về con chung khi ly hôn.

Qua kiểm sát việc tuân theo pháp luật của Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án và tham gia phiên tòa sơ thẩm hôm nay. Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

Thẩm phán được phân công thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định về nhiệm vụ, quyền hạn của Thẩm phán, đã thực hiện đúng và đầy đủ quy định về ra Thông báo thụ lý vụ án, bảo đảm về thời hạn chuẩn bị xét xử, việc lập hồ sơ vụ án, xác định tư cách pháp lý và mối quan hệ giữa những người tham gia tố tụng, việc giao nộp và yêu cầu đương sự giao nộp tài liệu, chứng cứ, xác minh, cấp tổng đạt và tổ chức phiên họp kiểm tra tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải đã đảm bảo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã đảm bảo tuân theo đúng quy định của pháp luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

Việc chấp hành pháp luật của các đương sự trong vụ án, nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định, bị đơn chưa chấp hành đúng quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là anh Đỗ Văn H và đề nghị Hội đồng xét xử: Về quan hệ hôn nhân: Cho anh Đỗ Văn H được ly hôn chị Phạm Thị H; Về con chung: Giao con chung Đỗ Thành D, sinh ngày 28/4/2010, cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật; Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Để hai bên tự thỏa thuận giao nhận cho nhau không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên kiểm sát viên không đề cập giải quyết; về tài sản chung: Anh H không yêu cầu, bị đơn chị H vắng mặt không có ý kiến trình bày về tài sản chung nên không đề cập giải quyết; Về án phí: Nguyên đơn anh Đỗ Văn H pH nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng

Nguyên đơn anh Đỗ Văn H vắng mặt, song có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt. Bị đơn là chị Phạm Thị H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân

Xét quan hệ hôn nhân giữa anh Đỗ Văn H và chị Phạm Thị H kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, thành phố H Phòng theo Giấy chứng nhận kết hôn số 14/2010, ngày 03 tháng 3 năm 2010 là hôn nhân hợp pháp. Tài liệu chứng cứ thể hiện: Anh H và chị H chung sống với nhau hòa thuận hạnh phúc đến nay thì phát sinh mâu thuẫn và căng thẳng, nguyên nhân do tính tình vợ chồng không hòa hợp, bất đồng quan điểm trong cuộc sống gia đình, trong làm ăn kinh tế, vợ chồng không tin tưởng nhau về lòng chung thủy. Do mâu thuẫn nên vợ chồng căng thẳng nên đã sống ly thân nhau và không còn quan tâm nhau từ năm 2017 đến nay. Nay anh H đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị H, bị đơn chị Phạm Thị H quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng chị H vắng mặt và cũng không có văn bản nào gửi đến Tòa án trình bày quan điểm về việc anh H xin ly hôn và giải quyết về con chung khi ly hôn. Hội đồng xét xử nhận thấy: Mâu thuẫn vợ chồng giữa anh H và chị H đã kéo dài, trầm trọng không còn khả năng đoàn tụ, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy căn cứ Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh H, cho anh Đỗ Văn H được ly hôn chị Phạm Thị H.

[3] Về con chung

Anh H và chị H có 01 con chung tên Đỗ Thành D, sinh ngày 28/4/2010. Kể từ khi vợ chồng sống ly thân đến nay con chung sống cùng chị H có sự giúp đỡ, chăm sóc đưa đón của ông, bà ngoại, chị H đã đón con và xin chuyển trường học cho con về học tại trường trung học sơ sở Thủy Sơn. Khi ly hôn vì điều kiện học tập của con và vì công việc anh H đồng ý để chị H tiếp tục nuôi con chung. Xác minh tại gia đình bố mẹ để chị H cung cấp kể từ khi vợ chồng sống ly thân đến nay con chung sống cùng chị H và ông, bà ngoại phát triển khỏe mạnh mọi mặt. Bị đơn chị Phạm Thị H vắng mặt tại phiên tòa không có quan điểm trình bày về việc nuôi con chung gửi đến Tòa án. Hội đồng xét xử nhận thấy, hiện nay con chung còn nhỏ, để đảm bảo quyền lợi mọi mặt của con chưa thành niên, cần thiết pH giao con chung cho một người nuôi dưỡng, chăm sóc, việc nuôi con chung của chị H đã ổn định, mặt khác con chung trên 7 tuổi có nguyện vọng được sống cùng mẹ. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định giao con chung cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi từng con chung trưởng thành đủ 18 tuổi có khả năng lao động hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật là phù hợp với quy định tại Điều 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Anh H trình bày để anh và chị H tự thỏa thuận giao nhận cho nhau không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung

Anh H trình bày vợ chồng không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Bị đơn chị H vắng mặt tại phiên tòa không có quan điểm trình bày về tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết trong vụ án này.

[5] Về án phí

Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án. Anh Đỗ Văn H pH nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con chung sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho anh Đỗ Văn H được ly hôn chị Phạm Thị H.
2. Về con chung: Giao con chung tên Đỗ Thành D, sinh ngày 28/4/2010, cho chị Phạm Thị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi từng con chung trưởng thành đủ 18 tuổi có khả năng lao động hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Anh Đỗ Văn H không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: Anh Đỗ Văn H pH nộp 300.000đồng (Ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000 đồng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đồng (Ba trăm nghìn) đồng tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007742, ngày 27 tháng 5 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T thành phố H Phòng.

Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người pH thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND TP H Phòng;
- VKSND huyện Thuỷ Nguyên;
- Chi cục THADS huyện Thuỷ Nguyên;
- UBND xã T, h. T;
- Lưu: VT; Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đinh Thị Mến

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Đông Doãn Văn Sáng

Lê Thị Sự

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND TP H Phòng;
- VKSND huyện Thủy Nguyên;
- Chi cục THADS huyện Thủy Nguyên;
- UBND xã Minh Tân, huyện T, thành phố H Phòng;
- Lưu: VT; Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Sự

